TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2022/QĐST-KDTM V/v: *"Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng".*	*Phủ Lý, ngày 29 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2022/TLST- KDTM ngày 30 tháng 05 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần B (B Bank).

Địa chỉ trụ sở: Đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; đại diện theo pháp luật: Bà Thái H; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP B (theo giấy ủy quyền số 99/UQ-B BANK ngày 28/05/2018).

Người được ủy quyền lại:

- Ông Mai Tuấn H; chức vụ: Trưởng phòng pháp chế Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP B (B Bank).
- Ông Lê Đức H, chức vụ: Phó Trưởng phòng pháp chế Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP B (B Bank).

Ông Tạ Văn H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ thuộc Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP B (B Bank).

Cùng địa chỉ: Tầng 6, số 67 Nguyễn Thị Đ, phường T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

(Giấy ủy quyền số 36/2022/UQ-TGĐ ngày 14/03/2022 của B Bank).

** Bị đơn:*

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Cùng địa chỉ: Xóm 4, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về giao kết hợp đồng:

* Các đương sự thống nhất, xác nhận: Ngày 05/12/2013, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu N có ký kết hợp đồng tín dụng số HY000574/HĐTD-BBank với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần B (viết tắt là B Bank) Chi nhánh Hưng Yên vay số tiền 879.000.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 05/12/2013; mục đích vay để thanh toán tiền mua 05 xe ôtô tải nhãn hiệu KIA K2700II; lãi suất cho vay ban đầu là 13,5%/năm; lãi suất của hợp đồng tín dụng được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất áp dụng đối với khoản vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ và bằng 120% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm xin cơ cấu lại thời hạn trả nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức phạt chậm trả lãi trong hạn bằng 0,1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả; phương thức trả nợ: Nợ gốc trả theo tháng, mỗi tháng trả 24.420.000 đồng, tháng cuối trả 24.300.000 đồng, nợ lãi trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng và tính trên dư nợ thực tế.

* Để bảo đảm thanh toán cho khoản nợ vay, ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N đã ký với Ngân hàng TMCP B hợp đồng thế chấp số 571/2013/HĐTC-BBank ngày 04/12/2013 thế chấp tài sản của gia đình cho Ngân hàng là 05 xe ôtô tải, nhãn hiệu KIA K2700II, đều có màu sơn xanh, sản xuất năm 2013 gồm:

- Xe có biển kiểm soát 90C- 021..., số khung: RNHKCA252DC914179, số máy: J2562373, chứng nhận đăng ký xe ôtô số 003680 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/12/2013 cho chủ sở hữu Lê Văn T.

- Xe có biển kiểm soát 90C- 021..., số khung: RNHKCA252DC914171, số máy: J2562224, chứng nhận đăng ký xe ôtô số 003679 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/12/2013 cho chủ sở hữu Lê Văn T.

- Xe có biển kiểm soát 90C - 021..., số khung: RNHKCA252DC914175, số máy: J2562347, chứng nhận đăng ký xe ôtô số 003695 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/12/2013 cho chủ sở hữu Lê Văn T.

- Xe có biển kiểm soát 90C - 021..., số khung: RNHKCA252DC914176, số máy: J2562368, chứng nhận đăng ký xe ôtô số 003693 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/12/2013 cho chủ sở hữu Lê Văn T.

- Xe có biển kiểm soát 90C - 020..., số khung: RNHKCA252DC914177, số máy: J2562369, chứng nhận đăng ký xe ôtô số 003684 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/12/2013 cho chủ sở hữu Lê Văn T.

Tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2.2. Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo hợp đồng tín dụng:

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 30/12/2014 ông T và bà N mới thanh toán, trả được cho Ngân hàng số tiền là 229.704.934 đồng, trong

đó trả nợ gốc 106.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 123.704.934 đồng. Từ thời điểm đó đến nay, ông T và bà N không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

2.3. Về số nợ vay còn tồn đọng, phương thức thanh toán và thời hạn trả nợ các đương sự thỏa thuận, thống nhất như sau:

- Tính đến hết ngày 21/7/2022, ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N còn nợ Ngân hàng B số tiền tổng cộng là 2.021.778.072 đồng (*hai tỷ không trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bảy mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 773.000.000 đồng, lãi trong hạn là 68.507.459 đồng, lãi quá hạn là 1.099.474.796 đồng và phạt chậm trả lãi trong hạn là 80.795.817 đồng.

- Ông T và bà N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ gốc và nợ lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết tính đến hết ngày 21/7/2022 gồm nợ gốc là 773.000.000 đồng, lãi trong hạn là 68.507.459 đồng, tổng cộng là 841.507.459 đồng theo lộ trình thời hạn trả nợ cụ thể: Trước ngày 30/7/2022 trả 200.000.000 đồng nợ gốc, trước ngày 30/9/2022 trả tiếp 200.000.000 đồng nợ gốc, trước ngày 30/12/2022 trả tiếp 200.000.000 đồng nợ gốc và trước ngày 28/02/2023 trả nốt số nợ gốc và nợ lãi còn lại cho Ngân hàng. Ngân hàng sẽ xét miễn toàn bộ lãi quá hạn, tiền phạt, phí phát sinh theo hợp đồng tính đến hết ngày 21/7/2022 cho ông T và bà N.

- Ông T và bà N vẫn phải tiếp tục chịu lãi của số nợ gốc đã vay chưa thanh toán phát sinh từ ngày 22/7/2022 theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.4. Phương thức bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

- Trường hợp ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán, trả số nợ gốc và lãi trong hạn tính đến hết ngày 21/7/2022 là 841.507.459 đồng cho Ngân hàng theo lộ trình thời hạn thanh toán các bên đã thỏa thuận, thống nhất nêu trên thì Ngân hàng sẽ không xét miễn khoản lãi quá hạn, tiền phạt, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký tính đến hết ngày 21/7/2022 cho ông T và bà Ninh. Ông T, bà N sẽ phải trả toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn, tiền phạt theo hợp đồng tính đến hết ngày 21/7/2022 là 2.021.778.072 đồng và trả lãi phát sinh do chậm thanh toán nợ gốc đã vay theo hợp đồng kể từ ngày 22/7/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp ông T và bà N không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo nội dung các bên đã thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản ông T, bà N đã thế chấp để vay vốn tại hợp đồng thế chấp số 571/2013/HĐTC-BBank ngày 04/12/2013 các bên đã ký kết theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi các khoản nợ vay cho Ngân hàng.

- Trường hợp đã xử lý tài sản thế chấp của ông T và bà N mà vẫn không trả hết được nợ vay thì ông T và bà N vẫn phải tiếp tục trả các khoản nợ vay cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2.5. Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và có trách nhiệm thanh toán, trả cho Ngân hàng số tiền đã bỏ ra tạm ứng chi phí tố tụng này là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) theo biên bản quyết toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/7/2022.

- Về án phí: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.218.000 đồng (*ba mươi sáu triệu hai trăm mười tám nghìn đồng*). Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần B được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.335.000 đồng (*ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0000397 ngày 30/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP. Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thanh Sơn